

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ
GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG
THỊA THIÊN HUẾ**

ĐOÀN THỊ KIM CHI

Niên khóa : 2016 - 2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ
GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG
THẠCH THIÊN HUẾ**

Họ và tên sinh viên:

Đoàn Thị Kim Chi

Lớp: K50A Kế toán

Giáo viên hướng dẫn:

ThS. Trần Thị Thanh Nhân

Huế, 4/2020

Lời Cảm Ơn

Lời đầu tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý thầy cô trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Quý thầy cô trong khoa Kế toán – Tài chính đã tận tình dạy dỗ, truyền đạt nhiều kiến thức và kinh nghiệm quý báu cho tôi, đó là hành trang, những món quà quý báu mà thầy cô đã dành cho tôi trong suốt quá trình học tập trên giảng đường Đại học. Để hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp của mình, tôi xin chân thành cảm ơn Th.S Trần Thị Thanh Nhân – Cô giáo trực tiếp hướng dẫn tôi, người đã tận tình giúp đỡ và chỉ dẫn cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành khóa luận này.

Qua đây, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các cô chú, anh chị trong Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thép Thiên Huế đã hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện, cung cấp tài liệu cần thiết trong quá trình thực tập tại Công ty và tạo cơ hội cho tôi có thể tìm hiểu rõ hơn về môi trường làm việc thực tế.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của gia đình và bạn bè, đã luôn bên cạnh động viên, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Mặc dù, trong quá trình thực hiện đề tài tôi đã có nhiều cố gắng, đã bám sát nội dung và phương pháp nghiên cứu song do kiến thức và năng lực bản thân còn hạn chế, kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều nên không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Kính mong nhận được những ý kiến góp ý quý báu của thầy cô và các bạn để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 4 năm 2020

Sinh viên thực hiện

Đoàn Thị Kim Chi

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CĐKT	Cân đối kế toán
CSKD	Công sở kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐ	Hóa đơn
HHDV	Hàng hóa dịch vụ
HTKK	Hệ thống kê khai
KQKD	Kết quả kinh doanh
KHCN	Khoa học công nghệ
NCC	Nhà cung cấp
NSNN	Ngân sách nhà nước
SDCK	Số dư cuối kỳ
SDĐK	Số dư đầu kỳ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSDH	Tài sản dài hạn
TSNH	Tài sản ngắn hạn
UBND	Ủy ban nhân dân
UNC	Ủy nhiệm chi

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình biến động lao động của Công ty từ năm 2017 - 2019	45
Bảng 2.2 Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của công ty năm 2017-2019	46
Bảng 2.3 Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017-2019	48
Biểu 2.1: Hóa đơn Giá trị gia tăng đầu vào số 0000479	58
Biểu 2.2: Phiếu nhập kho	59
Biểu 2.3: Trích sổ chi tiết TK 1331	60
Biểu 2.4: Trích sổ cái TK 1331	61
Biểu 2.5: Chứng từ ghi sổ	62
Biểu 2.6 Trích bảng kê HĐ, chứng từ mua vào tháng 11/2019	63
Biểu 2.7: Trích hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001906	71
Biểu 2.8: Trích sổ chi tiết TK 33311	72
Biểu 2.9: Trích sổ cái TK 33311	73
Biểu 2.10: Chứng từ ghi sổ	74
Biểu 2.11: Trích Bảng kê HĐ, chứng từ HHĐV bán ra tháng 11/2019	75
Biểu 2.12: Trích tờ khai thuế giá trị gia tăng	77
Biểu 2.13: Sổ chi tiết tài khoản 3334	85
Biểu 2.14: Sổ cái tài khoản 3334	86
Biểu 2.15: Sổ chi tiết tài khoản 8211	87
Biểu 2.16: Sổ cái tài khoản 8211	88
Biểu 2.17: Trích tờ khai Thuế TNDN năm 2019	94
Biểu 2.18: Phế liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	96

DANH MỤC SỔ ĐÓNG, LƯU ĐÓNG

Sổ đỏ 1.1: Sổ đỏ hạch toán thu GTGT đầu vào đối với khu vực đầu tư và HHDV mua vào trong năm.....	28
Sổ đỏ 1.2: Sổ đỏ hạch toán thu GTGT đầu vào đối với HHDV nhập khẩu.....	29
Sổ đỏ 1.3: Sổ đỏ hạch toán thu GTGT đầu ra	30
Sổ đỏ 1.4: Sổ đỏ hạch toán chi phí thu TNDN hiện hành	33
Sổ đỏ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chế độ ghi sổ	35
Sổ đỏ 2.1 - Trình tự chế độ máy quản lý của Công ty CP bê tông và xây dựng TT Huế	38
Sổ đỏ 2.2 - Sổ đỏ trình chế độ máy kế toán tài Công ty Cổ phần Bê tông.....	41
và Xây dựng Thép Thiên Huế	41
Sổ đỏ 2.3 - Trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán máy	43
Lưu đồ 2.1: Lưu đồ chế độ nghiệp vụ của quá trình mua hàng.....	56
Lưu đồ 2.2: Lưu đồ chế độ nghiệp vụ của quá trình bán hàng.....	69

M C L C

L I C M N	I
DANH M C CÁC CH VI T T T	II
DANH M C B NG, BI U.....	III
DANH M C S Đ , L U Đ 	IV
PH N I : Đ T V N Đ 	1
I.1. Lý do ch n đ tài.....	1
I.2. M c tiêu nghiên c u đ tài.....	2
I.3. Đ i t ng và ph m vi nghiên c u c a đ tài	3
I.4. Ph ng pháp nghiên c u	3
I.5. K t c u đ tài.....	5
PH N II: N I DUNG VÀ K T QU NGHIÊN C U	7
CH NG 1. C S LÝ LU N V CÔNG TÁC K TOÁN THU GTGT VÀ	
THU TNDN T I CÔNG TY C PH N BÊ TÔNG VÀ XÂY D NG TH A	
THIÊN HU 	7
1.1. Nh ng v n đ c b n v thu 	7
1.1.1. Khái ni m	7
1.1.2. Đ c đi m c a thu 	7
1.1.3. Ch c năng, vai trò c a thu 	8
1.1.4. Thu GTGT và thu TNDN	9
1.1.4.1 Thu GTGT	9
1.1.4.2. Thu TNDN.....	17
1.1.5. Nhi m v c a k toán thu GTGT và thu TNDN	26
1.1.5.1. Nhi m v c a k toán thu GTGT	26
1.1.5.2. Nhi m v c a k toán TNDN.....	26
1.2. K toán thu GTGT và thu TNDN	26
1.2.1. K toán thu GTGT	26
1.2.2. K toán thu TNDN	31
1.2.3. T ch c s sách k toán.....	33

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG THẠ THIÊN HUỖ	36
2.1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thạ Thiên Huỗ	36
2.1.1 Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thạ Thiên Huỗ	36
2.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty	36
2.1.3 Chức năng, nhiệm vụ và các lĩnh vực hoạt động kinh doanh	37
2.1.3.1 Chức năng.....	37
2.1.3.2 Nhiệm vụ	37
2.1.3.3 Các lĩnh vực hoạt động	37
2.1.4 Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý	37
2.1.4.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý.....	37
2.1.4.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.....	38
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thạ Thiên Huỗ	41
2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán	41
2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận	41
2.1.5.3. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.....	43
2.1.6. Phân tích năng lực kinh doanh của công ty (lao động, tài sản - nguồn vốn, kết quả kinh doanh)	45
2.1.6.1. Tình hình lao động giai đoạn 2017 -2019	45
2.1.6.2. Tình hình tài sản và nguồn vốn giai đoạn 2017 -2019	46
2.1.6.3. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017- 2019	48
2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thạ Thiên Huỗ	50
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT.....	50
2.2.1.1. Đặc điểm tổ chức công tác thuế GTGT.....	50
2.2.1.2. Chế độ sổ sách	51
2.2.1.3. Tài khoản sổ sách	51
2.2.1.4. Sơ đồ kế toán sổ sách	51

2.2.2. Thúc đẩy công tác kế toán thu TNDN	81
2.2.2.1. Đúc đẩy thúc đẩy công tác thu TNDN	81
2.2.2.2. Chế độ sổ	82
2.2.2.3. Tài khoản sổ	82
2.2.2.4. Sổ kế toán sổ	82
2.2.2.5. Thúc đẩy kế toán thu TNDN.....	83
CHƯƠNG 3. MÔ TẢ GIỚI THIỆU PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO CÔNG TÁC KẾ TOÁN THU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG THẠ THIÊN HƯ	99
3.1. Nhận xét, đánh giá công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thạ Thiên Hư	99
3.1.1. Ưu điểm	99
3.1.2. Nhược điểm	100
3.2. Nhận xét, đánh giá công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thạ Thiên Hư	100
3.2.1. Ưu điểm	100
3.2.2. Nhược điểm	102
3.3. Mô tả giới thiệu pháp góp phần nâng cao công tác kế toán thu tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thạ Thiên Hư	103
3.3.1. Mô tả giới thiệu pháp chung đối với công tác kế toán.....	103
3.3.2. Giới thiệu pháp góp phần nâng cao công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN..	103
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	105
1.1. Kết luận	105
1.2. Kiến nghị	106
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

PHẦN I : ĐẶT VẤN ĐỀ

I.1 Lý do chọn đề tài

Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, con đường đi mới đã và đang phát huy hiệu quả, nền kinh tế đất nước ngày một phát triển đi lên. Một trong những nguyên nhân góp phần quan trọng vào thành công đó là việc xây dựng công cụ chính sách thuế của Nhà nước. Ngày nay với xu thế toàn cầu hoá kinh tế quốc tế, hội nhập kinh tế thế giới và khu vực là một vấn đề bức thiết mang tính khách quan đối với tất cả các quốc gia. Vì vậy vai trò của thuế ngày nay không chỉ dừng ở chỗ đảm bảo nguồn thu cho nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, mà nó còn phải đảm bảo vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế, thúc đẩy kinh tế quốc gia ngày một phát triển.

Thuế không chỉ là nguồn thu chủ yếu của Nhà nước mà còn là sự phản ánh rõ nét đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc định hướng phát triển cho từng ngành nghề, lĩnh vực trong đời sống xã hội, định hướng, hạn chế đầu tư sản xuất đối với những ngành nghề Nhà nước chủ trương thu hẹp. Tuy nhiên, có tác động hạn chế hay khuyến khích của thuế đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng chỉ giới hạn trong từng giai đoạn, từng thời điểm. Do đó để phù hợp với tình hình thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế Nhà nước đã hình thành nên những quy định, sửa đổi, bổ sung các quy định về thuế.

Nước ta, hệ thống thuế đã được cải tiến một cách đáng kể nhằm đáp ứng được những đòi hỏi của nền kinh tế, phù hợp với sự vận động và phát triển của kinh tế thị trường. Nước ta, Luật thuế GTGT và Luật thuế TNDN được thông qua tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa IX ngày 10/5/1997 và chính thức áp dụng từ ngày 1/1/1999 thay cho Luật thuế doanh thu, thuế lợi tức trước đây. Trong những năm qua, Nhà nước ta đã không ngừng sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hai sắc thuế này. Việc sửa đổi các chính sách thuế có tác động rất lớn đến các doanh nghiệp.

Thời khi ra đời cho đến nay thuế GTGT cũng như thuế TNDN luôn chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống thuế. Thời khi chúng ta áp dụng luật thuế GTGT, thuế TNDN đã có nhiều tác động tích cực đến nhiều mặt của nền kinh tế như: Đảm bảo nguồn thu

cho ngân sách Nhà nước, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, khuyến khích đầu tư nước ngoài, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tổ chức công tác kế toán thu thuế GTGT, thu thuế TNDN là rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp. Tổ chức công tác kế toán thu thuế GTGT giúp các doanh nghiệp tính ra số thuế GTGT phải nộp cho nhà nước để các doanh nghiệp làm tròn nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Bên cạnh đó, tổ chức công tác thanh toán thu thuế GTGT, thu thuế TNDN giúp doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT, thu thuế TNDN được hoàn lại hay được miễn giảm nhằm đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp.

Tôi Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thép Thiên Huế thu thuế GTGT và thu thuế TNDN là hai số thuế phát sinh chủ yếu và thường xuyên, hàng năm đóng góp rất lớn vào nguồn ngân sách Nhà nước. Do đó, tổ chức công tác kế toán thu thuế GTGT và thu thuế TNDN trở nên rất cần thiết đối với doanh nghiệp.

Nhân thức được tôi quan trọng của vấn đề và mong muốn hệ thống lại kiến thức đã được học về kế toán thu thuế GTGT và thu thuế TNDN, trong quá trình tìm hiểu và thực tập tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thép Thiên Huế tôi đã quyết định chọn đề tài “THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG THÉP THIÊN HUẾ” để thực hiện nghiên cứu và làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

I.2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài

❖ Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán thu thuế GTGT và thu thuế TNDN tại đó nhằm đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao công tác kế toán thuế tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thép Thiên Huế.

❖ Mục tiêu cụ thể

Khóa luận được thực hiện nhằm hướng đến ba mục tiêu sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về thuế GTGT và thuế TNDN để làm khung lý thuyết cho đề tài nghiên cứu.

- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thà Thiên Huế.

- Đánh giá và đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao công tác kế toán thu tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thà Thiên Huế.

I.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

❖ Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là thực trạng công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thà Thiên Huế.

❖ Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thà Thiên Huế, cụ thể tại phòng tài chính – kế toán của Công ty.

- Phạm vi thời gian:

+ Phạm vi thời gian của đề tài nghiên cứu: Đề tài này được thực hiện từ ngày 30/12/2019 đến ngày 20/04/2020.

+ Phạm vi thời gian của số liệu nghiên cứu: Nghiên cứu tình hình thực quan về tình hình lao động, tài sản - nguồn vốn và kết quả hoạt động SXKD của Công ty qua ba năm gần đây (2017-2019). Nghiên cứu công tác kế toán thu GTGT tháng 11 năm 2019 và thu TNDN năm 2019.

- Phạm vi nội dung: Công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thà Thiên Huế.

I.4. Phương pháp nghiên cứu

Để có thể hoàn thành đề tài nghiên cứu, tôi đã phải áp dụng hai phương pháp nghiên cứu chủ yếu, cụ thể:

❖ Phương pháp thu thập số liệu

- Phương pháp thu thập số liệu và các tài liệu liên quan: Phương pháp này được sử dụng để thu thập số liệu về tình hình lao động, bảng CĐKT, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ năm 2017-2019; các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ phát sinh: Hợp đồng, hóa đơn GTGT mua vào, phiếu nhập kho, phiếu kế toán (đi với

HHDV mua vào); hóa đơn GTGT bán ra, biên bản nghiệm thu, phiếu giao nhận hàng công (đi với HHDV bán ra). Và các chứng từ khác liên quan đến công tác thu GTGT: bảng kê HHDV bán ra và mua vào, tờ khai thu GTGT, giấy nộp tiền; thu TNDN: tờ khai quyết toán thu TNDN, phiếu kê kết quả hoạt động kinh doanh, giấy nộp tiền; sổ sách: sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 1331, 33311, 8211, 3334 và chứng từ ghi sổ.

- **Phương pháp nghiên cứu tài liệu:** Phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến đề tài: *Tham khảo tài liệu về trình độ Địch Kinh tế Huế* (đề tài nghiên cứu “Thức trình công tác kế toán giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Ngọc Anh” của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Anh và “Thức trình kế toán thu giá trị gia tăng và thu thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Xây dựng – Giao thông Thừa Thiên Huế” của tác giả Nguyễn Thị Nhân); *văn bản Pháp luật* (Luật thu GTGT số 13/2008/QH12, Luật thuế số 31/2013/QH13, Luật thuế số 71/2014/QH13; Luật thu TNDN số 14/2008/QH12, Luật thuế số 32/2013/QH13), các *Thông tư* (về thu GTGT: Thông tư 219/2013/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC, Thông tư 26/2015/TT-BTC; về thu TNDN: Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 96/2015/TT-BTC),... Từ đó hình thành hóa các lý luận về thu GTGT và thu TNDN.

- **Phương pháp phỏng vấn trực tiếp:** Phương pháp này dùng để thu thập thông tin về tình hình doanh nghiệp, về công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN cũng như làm rõ mối thức mẫn trong quá trình thức tiếp cận đến về thông qua việc trao đổi với toàn bộ kế toán tại Công ty, đặc biệt là kế toán trưởng và phó trách về kế toán thu. Phương pháp này được thực hiện thông qua xuyên và trong suốt quá trình thức tiếp cận đến về.

- **Phương pháp quan sát:** Là quá trình quan sát và ghi chép lại những công việc mà kế toán Công ty thức hiện như: Cập nhật chứng từ vào phần mềm, đi chi tiêu sắp xếp chứng từ trong quá trình làm việc, cách kê khai và nộp thuế trên phần mềm.

❖ **Phương pháp xử lý số liệu:**

- **Phương pháp so sánh:** Là phương pháp chủ yếu dùng trong phân tích hoạt động kinh doanh để xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu phân tích. Có

thực, so sánh tình hình lao động, tài sản - nguồn vốn, kết quả hoạt động SXKD qua ba năm từ 2017-2019.

- *Phương pháp chứng từ kế toán*: Thu thập các bằng chứng kế toán để chứng minh cho các nghiệp vụ kinh tế đã xảy ra tại doanh nghiệp, ghi nhận, hạch toán theo các tài khoản để vào sổ kế toán có liên quan để để chiểu giá sổ kế toán và chứng từ cũng như phân tích, xử lý số liệu sổ đang trong phần công tác kế toán thu thuế GTGT và thuế TNDN.

- *Phương pháp phân tích - tổng hợp*: Phân tích tách biệt từng quy trình kế toán thu thuế GTGT và thuế TNDN để nhìn nhận từng vấn đề để có chi tiết và rõ ràng hơn. Từ đó làm căn cứ tổng hợp lại, rút ra các nhận định làm cơ sở để đưa ra kết luận, đánh giá về công tác kế toán thu thuế tại đơn vị.

I.5. Kết cấu đề tài

Ngoài mục lục, danh mục viết tắt, danh mục bảng biểu, danh mục sơ đồ, tài liệu tham khảo, phụ lục thì kết cấu đề tài gồm có ba phần:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán thu thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thép Thiên Huế.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thu thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thép Thiên Huế.

Chương 3: Một số giải pháp góp phần nâng cao công tác kế toán thu thuế tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thép Thiên Huế.

Phần III: Kết luận và kiến nghị.

I.6. Tổng hợp các đề tài liên quan

Để hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu của mình tôi đã tìm hiểu và nghiên cứu hai đề tài cùng lĩnh vực như sau:

Đề tài 1: “Thức trình công tác kế toán giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Ngọc Anh” của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Trưởng phòng kế toán Kinh tế Hu.

Đề tài 2: “Thức trình kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần xây dựng – Giao thông Thừa Thiên Huế” của tác giả Nguyễn Thị Nhân – Trưởng phòng kế toán Kinh tế Hu.

Hai đề tài trên đã trình bày đầy đủ nội dung các phần, các thông tin, nội dung cần thiết của một đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên, theo đánh giá chung của cá nhân tôi thì hai đề tài vẫn còn những thiếu sót nhất định, chưa khai thác sâu vào đề tài nghiên cứu cần thiết như sau:

- + Chưa có lưu đồ luân chuyển chứng từ và ghi thích quá trình luân chuyển chứng từ của quy trình bán hàng và quy trình mua hàng tại đơn vị thực tế.

- + Chưa thể hiện khai quyết toán thuế GTGT và thuế TNDN những ghi thích để các chỉ tiêu được trình bày trên tờ khai.

- + Cả hai đề tài đều trình bày hai đến ba nghiệp vụ mua hàng và bán hàng nhưng chưa thể hiện được việc nhập liệu nghiệp vụ trên phần mềm kế toán của Công ty và chưa đưa các màn hình nhập liệu trên phần mềm.

- + Chưa trình bày các bước mà kế toán tại đơn vị nhập liệu trên phần mềm kế toán, kê khai thuế trên phần mềm HTKK và nộp thuế như thế nào.

- + Không có trình bày phần lập báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng tại Công ty.

Hiểu và nhận thấy được những thiếu sót của các đề tài mà tôi đã nghiên cứu nên với đề tài thức trình công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế tôi đã khắc phục các những điểm trên và bổ sung đầy đủ các nội dung để đi sâu làm rõ thức trình kế toán thuế tại đơn vị.

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG THỦA THIÊN HƯ

1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế

1.1.1. Khái niệm

Thuế là một khoản nộp bắt buộc mà các thực thể (cá nhân) và pháp nhân (tổ chức) có nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước, phát sinh trên cơ sở các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành, không mang tính chất đổi giá và hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế.

(Trích từ TS. Lê Quang Cường & TS. Nguyễn Kim Quý (1976), giáo trình Thuế 1)

1.1.2. Đặc điểm của thuế

Thứ nhất, thuế là khoản thu nộp bắt buộc vào ngân sách nhà nước: Tính bắt buộc của thuế thể hiện ở chỗ, đối với người nộp thuế thì bắt buộc phải chuyển giao một phần tài sản của mình để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước, nếu không thực hiện thì sẽ áp dụng những biện pháp cưỡng chế thi hành. Còn đối với cơ quan thu thuế bắt buộc thực hiện việc thu thuế đối với mọi tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ là nhau mà không được có sự ưu tiên với bất kỳ người nộp thuế nào.

Thứ hai, thuế gắn với quy định của nhà nước: Để thuế phát huy vai trò của mình đối với xã hội thì Nhà nước đã pháp luật hóa thuế thành hệ thống pháp luật, từ đó bắt buộc mọi cá nhân phải tuân thủ. Chế độ gắn với yêu cầu quy định của thuế mới đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tạo nguồn tài chính cho ngân sách Nhà nước.

Thứ ba, thuế không mang tính đổi giá, không hoàn trả trực tiếp: Thuế là khoản bắt buộc mà người nộp thuế phải nộp cho Nhà nước khi có những điều kiện nhất định. Khi nộp thuế người nộp thuế không được nhận lại một số tiền tương đương với khoản thuế đã nộp mà chỉ nhận được những lợi ích không thể xác định được về mặt vật chất như: yên

bình xã hội, sự phát triển kinh tế... đó là tính không hoàn toàn trực tiếp của thuế. Sự tiến thu phải nộp không phải thu về vào mức để họ có lợi ích của người nộp thuế.

1.1.3. Chức năng, vai trò của thuế

a. Chức năng

- *Chức năng phân phối và phân phối lại:* Là chức năng cơ bản để thực hiện của thuế. Nhà nước dùng tiền thu từ thuế để tái đầu tư và phân phối thu nhập trong toàn xã hội

- *Chức năng điều tiết nền kinh tế:* Thuế là một công cụ của chính sách kinh tế có thể đóng vai trò khuyến khích, hạn chế hoặc cân bằng. Thuế hiện thực chức năng điều chỉnh của thuế thông qua việc quy định các hình thức thu thuế khác nhau, xác định đúng đắn đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế, xây dựng chính xác, hợp lý các mức thuế phải nộp có tính đến khả năng của người nộp thuế.

b. Vai trò

Thứ nhất, thuế là công cụ chủ yếu huy động nguồn lực vật chất cho Nhà nước: Đối với các nước có nền kinh tế phát triển, để huy động tập trung nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước thì vai trò quan trọng này thuế và thu. Thuế luôn được coi là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước.

Thứ hai, thuế là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường: Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước có khả năng sử dụng chính sách thuế điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Điều đó xuất phát từ chức năng điều tiết của thuế, lợi ích xã hội, Nhà nước có thể tăng thuế hoặc giảm thuế để với thu nhập của các tầng lớp dân cư và với doanh nghiệp để kích thích hoặc hạn chế sự phát triển của các lĩnh vực các ngành nghề khác nhau của nền kinh tế. Việc điều chỉnh chính sách thuế cũng góp phần hình thành cơ cấu ngành hợp lý theo yêu cầu phát triển nền kinh tế trong từng giai đoạn.

Thứ ba, thuế là công cụ điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối: Trong các chính sách, vai trò của thuế, Nhà nước đã xác định đối tượng điều tiết khác nhau với các mức thuế suất và chế độ ưu đãi khác nhau. Sự bình đẳng của chính sách thuế sẽ tạo điều kiện cho mọi thành viên trong xã hội làm ăn có hiệu quả, có năng suất cao phải nộp thuế thu nhập cao hơn. Vai trò phân phối lại của thuế được

thực hiện thông qua việc Nhà nước sẽ đóng tiền thuế để sản xuất ra HHDV công phục vụ tiêu dùng chung cho toàn xã hội. Ngoài ra Nhà nước còn sẽ đóng một phần tiền thuế để trợ cấp, thực hiện điều hòa thu nhập xã hội.

Thứ tư, ngoài những vai trò của thuế nêu trên thuế còn có vai trò là công cụ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh: Thông qua khai báo thuế của các doanh nghiệp, thông qua công tác kiểm tra kiểm soát của cơ quan thuế, có thể kiểm tra kiểm soát và nắm được thực trạng các hoạt động SXKD của các doanh nghiệp, từ đó có thể phát hiện ra những vấn đề gian lận thuế nghiêm trọng, trốn thuế, khai báo sai với tình hình SXKD trong thực tế, góp phần chấn chỉnh các hoạt động SXKD và nâng cao vai trò giám sát hoạt động SXKD trong xã hội của cơ quan thuế.

1.1.4. Thuế GTGT và thuế TNDN

1.1.4.1 Thuế GTGT

a. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế GTGT

❖ Khái niệm

Thuế GTGT là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của giá trị hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

(Trích từ Điều 2 của luật số 13/2008/QH12 ban hành ngày 03/06/2008)

❖ Đặc điểm

Thứ nhất, đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hóa được tiêu dùng, dịch vụ được sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam.

Thứ hai, thuế GTGT có căn cứ tính thuế là phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ trong các khâu của quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thứ ba, thuế GTGT có phạm vi tác động rộng, đánh vào hầu hết các HHDV được tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam.

Thứ tư, thuế GTGT có tính chất lũy thoái.

Thứ năm, thuế GTGT có tính trung lập kinh tế cao.

❖ **Vai trò**

Thuế GTGT đóng vai trò rất quan trọng trong lưu thông hàng hóa và quản lý kinh tế Nhà nước, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của nền kinh tế nước nhà trên thị trường quốc tế. Có thể nói sau :

+ Thuế GTGT có tác động điều tiết thu nhập của tổ chức, cá nhân tiêu dùng HHDV chịu thuế GTGT.

+ Thuế GTGT là khoản thu quan trọng của NSNN: Thuế GTGT tạo ra dòng thu nguồn thu lớn và tăng đáng kể nguồn thu cho NSNN, chiếm tỷ trọng lớn nhất.

+ Thuế GTGT không trùng lặp: Do chỉ tính dựa trên phần giá trị tăng thêm của HHDV, không tính vào phần giá trị đã chịu thuế GTGT ở các khâu trước đó.

+ Thuế GTGT giúp khuyến khích xuất khẩu: HHDV thông qua thuế suất 0% doanh nghiệp xuất khẩu HHDV không phải chịu thuế GTGT ở khâu xuất khẩu mà còn được hoàn toàn bộ số thuế đầu vào đã thu ở khâu trước đó nên có tác động giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng hóa xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.

+ Thúc đẩy thực hiện chế độ hạch toán kế toán, sổ đăng hóa đơn, chứng từ và thanh toán qua Ngân hàng: Tạo điều kiện chứng thực thu thuế do việc khâu trước thuế GTGT thực hiện căn cứ trên hóa đơn mua vào thúc đẩy DN hạch toán đầy đủ thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT đầu vào và thực hiện tốt chế độ hóa đơn chứng từ, hạch toán kế toán.

b. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế

❖ **Đối tượng chịu thuế**

Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hóa, dịch vụ sẽ đóng cho SXKD và tiêu dùng ở Việt Nam, trừ đối tượng không chịu thuế.

Đối tượng không chịu thuế: Theo Điều 4 thông tư 219/2013/TT-BTC đã sửa đổi bổ sung theo Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC, Điều 4 Thông tư 151/2014/TT-BTC,

Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC, Điều 1 Thông tư 25/2018/TT-BTC có 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT (xem phụ lục số 01)

❖ **Đãi trừ nhập thuế**

Tổ chức, cá nhân SXKD hàng hóa, dịch vụ chịu thuế (gọi chung là CSKD) và tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu hàng hóa chịu thuế (gọi chung là người nhập khẩu) là đối tượng nộp thuế GTGT.

b. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ **Căn cứ tính thuế GTGT** là giá tính thuế và thuế suất:

+ **Giá tính thuế**: Theo điều 7 Luật thuế số 13/2008/QH12 bổ sung sửa đổi luật số điều 7 Luật thuế số 31/2013/QH13, hướng dẫn chi tiết Thông tư 219//2013/TT-BTC (xem phụ lục số 02)

+ **Thuế suất**: Theo điều 8 Luật 13/2008/QH12 và luật số sửa đổi bổ sung luật 31/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13 (hiệu lực từ 01/01/2015) và Luật số 106/2016/QH13 (xem phụ lục số 03)

Phương pháp tính thuế GTGT có hai phương pháp cơ bản như sau:

➤ **Phương pháp khấu trừ**

+ **Đối tượng áp dụng**: Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với CSKD thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:

a) CSKD đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ mặt trận doanh nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, thuế, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trừ cộng.

b) CSKD đăng ký tạm ngừng hoạt động phương pháp khấu trừ thuế, thuế, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính cộng.